CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 05 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***543 286***	***153 000***	***390 286***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**145 681**	**27 055**	**118 627**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***9 500***	***9 446***	***54***			
1		NHÔM LÂM ĐỒNG	01/11	2860/11	10/11	VIỆT THUẬN HN-01	CÁM 5A.1	3 200	3 192	8	04/11	HỘ LỚN	
							CỤC 4A.2	2 400	2 388	12	04/11		
2		ĐẠM HÀ BẮC	03/11	722/11	13/11	TĐ 19-4	CÁM 4A.1	2 800	2 773	27	04/11	HỘ LỚN	
3		VINACARBON	04/11	2893/11	11/11	BN 2706	CÁM 1	1 100	1 093	7	04/11	TD	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***50 707***	***17 608***	***33 099***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	01/11	713/11		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.1	29 200	15 334	13 866	DỠ	HỘ LỚN	NGUỒN TTCO
2		NHÔM ĐĂK NÔNG	03/11	2867/11	13/11	HOÀNG ANH 39	CỤC 4A.2	1 340	447	893	DỠ	HỘ LỚN	
							CÁM 5A.1	1 630	853	777	DỠ	HỘ LỚN	
3		ĐIỆN THÁI BÌNH 2	04/11	727/11	14/11	QN 8485	CÁM 5A.10	6 207	681	5 526	DỠ	HỘ LỚN	
4		NHÔM ĐĂK NÔNG	04/11	2895/11	14/11	VIỆT THUẬN 12-03	CÁM 5A.1	6 000		6 000		HỘ LỚN	
5		NHÔM LÂM ĐỒNG	04/11	2896/11	14/11	VIỆT THUẬN 12-03	CỤC 4A.2	5 100		5 100		HỘ LỚN	
6		XNK ANH KHOA	01/11	2851/11	07/11	BN 0679	CỤC XÔ 1C	1 230	293	937	DỠ	TD	
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***85 474***		***85 474***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	03/11	720/11		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000		23 000		HỘ LỚN	NGUỒN TTCO
2		ĐẠM HÀ BẮC	03/11	723/11	13/11	TĐ 38-TT	CÁM 4A.1	2 300		2 300		HỘ LỚN	
3		ĐẠM HÀ BẮC	04/11	725/11	14/11	QN 4320	CÁM 4A.1	1 700		1 700		HỘ LỚN	
4		ĐIỆN VŨNG ÁNG	04/11	726/11		TRƯỜNG NGUYÊN SKY	CÁM 5A.10	26 200		26 200		HỘ LỚN	Thay TBRT 719/11
5		KDT MIỀN BẮC	01/11	2833/10	07/11	NEW GOLD	CÁM 2A.1	25 000		25 000		TD	GIA HẠN L1
6		VẬN TẢI THỦY	01/11	2858/11	07/11	HP 5097	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
7		SX&TM THAN UÔNG BÍ	01/11	2852/11	07/11	BN 2699	CÁM 1	1 963		1 963		TD	
8		DVVTQN	01/11	2854/11	07/11	BN 1798	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	
9		SX&TM THAN UÔNG BÍ	02/11	2845/11	09/11	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 150		1 150		TD	GIA HẠN L1
10		SX&TM THAN UÔNG BÍ	04/11	2886/11	11/11	BN 2366	CÁM 1	1 931		1 931		TD	
	Tàu chuyển tải							**209 100**	**47 374**	**161 726**			
	Tàu đã làm hàng							***23 200***	***23 124***	***76***			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 05 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		KDT MIỀN BẮC	29/10	699/10		VTA POSEIDON	CÁM 5B.10	23 200	23 124	76	04/11	PTCB	TTHG: 23.200
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***131 650***	***24 250***	***107 400***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/11	717/11		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800		22 800		HỘ LỚN	TTHG: 18.000 KVCP: 4.800
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	01/11	714/11		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 250		41 250		HỘ LỚN	KDTCP:10.000 CLM: 20.000 KVCP: 11.250
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	02/11	716/11		GOLDEN STAR	CÁM 6A.14	23 600	1 600	22 000	DỠ	HỘ LỚN	KDTCP: 6.000 CLM: 8.000 KVCP: 9.600
4		XNK THAN	31/10	2842/10		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 3B.2	44 000	22 650	21 350	DỠ	TD	KVĐB: 44.000
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***54 250***		***54 250***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/11	718/11		HẢI NAM 39	CÁM 6A.1	28 650		28 650		HỘ LỚN	TTHG: 23.000 KVCP: 5.650
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	04/11	728/11		VIỆT THUẬN 26-03	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	TTHG: 21.000 KVCP: 4.600
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**72 928**	**18 741**	**54 187**			
	Tàu đã làm hàng							***9 029***	***8 974***	***55***			
1		KDT BẮC TRUNG BỘ	01/11	2767/10	10/11	NB 8308	CÁM 7B	3 005	3 001	4	04/11	PTCB	NGUỒN ĐN-C6
2		KDT HÀ BẮC	03/11	2876/11	13/11	BN 1313	CÁM 7B	1 845	1 822	23	04/11	PTCB	NGUỒN CS
3		KDT HÀ BẮC	03/11	2877/11	13/11	BN 2626	CÁM 7B	1 779	1 770	9	04/11	PTCB	NGUỒN CS
4		ĐTTMDV	02/11	2870/11	09/11	HN 2556	CÁM 8A	2 400	2 381	19	04/11	TD	NGUỒN CS
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***17 612***	***9 768***	***7 844***			
1		KDT CẬU ĐUỐNG	03/11	2880/11	10/11	QN 8259	CÁM 7B	1 690	716	974	DỠ	PTCB	NGUỒN ĐN-C6
2		KDT MIỀN BẮC	04/11	2898/11	14/11	HP 6559	CÁM 7C	1 636		1 636		PTCB	NGUỒN ĐN-C6
3		HÀNG HẢI VN	23/10	2740/10	30/10	QN 7535	CỤC 1B	1 100	944	156	DỠ	TD	NGUỒN CS
4		KS THAN ĐÔNG BẮC	01/11	2579/10	07/11	HY 0802	CÁM 8A	1 928	804	1 124	DỠ	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2
5		ĐTTM & DỊCH VỤ	01/11	2783/10	07/11	HD 2225	CÁM 8A	1 100	780	320	DỠ	TD	NGUỒN ĐN-C6
6		THAN SÔNG HỒNG	02/11	2800/10	09/11	QN 8547	CÁM 8A	996	627	369	DỠ	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
7		DVVTQN	03/11	2878/11	10/11	HD 2325	CÁM 8A	1 200	388	812	DỠ	TD	NGUỒN CS
8		KDT MIỀN BẮC	04/11	2894/11	11/11	QN 8389	CÁM 7B	1 982		1 982		TD	NGUỒN ĐN-C6

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 05 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
9		VIỆT THUẬN 235-01	31/10	5 629		CẨM PHẢ 21	TNK-LÀO	3 880	3 825	55	DỠ	BỐC THAN NK	
10		VIỆT THUẬN 235	27/10	5 514		CỬA ÔNG 05	TNK-LÀO	2 100	1 684	416	DỠ	BỐC THAN NK	
	Tàu đã làm lệnh							***46 287***		***46 287***			
1		XNK THAN	03/11	2884/11	13/11	VIỆT THUẬN TĐ 15	CÁM 4A.1	4 994		4 994		PTCB	NGUỒN CS
2		XNK THAN	03/11	2883/11	13/11	VIỆT THUẬN TĐ 01	CÁM 6B.1	5 312		5 312		PTCB	NGUỒN HL
3		KDT HÀ BẮC	04/11	2890/11	14/11	HD 1213	CÁM 7B	2 230		2 230		PTCB	NGUỒN CS
4		KDT HẢI PHÒNG	04/11	2899/11	14/11	HP 6683	CÁM 6B.1	1 850		1 850		PTCB	NGUỒN HL
5		THAN MIỀN TRUNG	01/11	2782/10	07/11	VIỆT TRUNG 68	CÁM 8A	1 980		1 980		TD	NGUỒN ĐN-C6
6		XNK VTA	01/11	2850/11	07/11	HD 2333	CỤC XÔ 1B	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-C6
7		DVVTQN	01/11	2856/11	07/11	BN2203	CỤC XÔ 1B	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-C6
8		TRƯỜNG ANH 888	01/11	2798/10	07/11	THÀNH NAM 79	CÁM 8A	3 200		3 200		TD	NGUỒN ĐN-C6
9		TRƯỜNG ANH 888	01/11	2857/10	07/11	QN 8225	CÁM 8A	1 620		1 620		TD	NGUỒN CS
10		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	02/11	2751/10	09/11	BN 2382	CỤC XÔ 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
11		ĐTTMDV	02/11	2564/11	09/11	HP 5818	CÁM 8A	3 035		3 035		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2
12		SX&TM THAN UÔNG BÍ	02/11	2817/10	09/11	BN 2115	CỤC XÔ 1B	1 500		1 500		TD	NGUỒN CS GIA HẠN L1
13		THAN MIỀN TRUNG	02/11	2822/10	09/11	HUY HOÀNG 28	CỤC XÔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
14		XNK ANH KHOA	02/11	2868/11	09/11	PT 2698	CỤC XÔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6
15		VẬN TẢI THÙY	02/11	2866/11	09/11	HP 6863	CÁM 8A	2 200		2 200		TD	NGUỒN CS
16		TRƯỜNG ANH 888	03/11	2881/11	10/11	VTT 19	CÁM 8A	3 300		3 300		TD	NGUỒN ĐN-C6
17		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	03/11	2879/11	10/11	NB 8305	CÁM 8A	3 100		3 100		TD	NGUỒN ĐN-C6
18		THÁI SƠN HP	03/11	2875/11	10/11	SG 10252	CÁM 8A	2 676		2 676		TD	NGUỒN CS
19		XNK THAN	04/11	2887/11	11/11	QN 6798	CÁM 8A	1 450		1 450		TD	NGUỒN CS
20		THAN MIỀN NAM	04/11	2885/11	11/11	NISSI 777	CÁM 8A	1 940		1 940		TD	NGUỒN ĐN-C6
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**10 312**	**2 310**	**8 002**			
	Tàu đã làm hàng							***2 314***	***2 310***	***4***			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	01/11	715/11	11/11	TB 1716	CÁM 5B.10	2 314	2 310	4	04/11	HỘ LỚN	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 05 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							***7 998***		***7 998***			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	03/11	721/11	13/11	TĐ 45-3	CÁM 5B.10	3 572		3 572		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	03/11	724/11	13/11	DŨNG SƠN 88	CÁM 5B.10	4 426		4 426		HỘ LỚN	
IV	**KHO CẢNG KM6**							**29 155**	**9 521**	**19 634**			
	Tàu đã làm hàng							***5 000***	***4 360***	***640***			
1		KDT BẮC TRUNG BỘ	02/11	2874/11	12/11	TRƯỜNG XUÂN 68	CÁM 5B.1	3 200	3 043	157	04/11	PTCB	
2		ĐTTM DV - VINACOMIN	30/10	2815/10	31/10	BN 2625	CỤC 1B	650	262	388	04/11	TD	Tàu lấy giảm tải
3		ĐTTM DV - VINACOMIN	31/10	2840/10	31/10	BN 1883	CỤC 1B	1 150	1 055	95	04/11	TD	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***8 570***	***5 161***	***3 409***			
1		CROMIT CĐ THANH HÓA	04/11	2888/11	14/11	HÙNG KHÁNH 616	CÁM 5B.1	3 250	2 439	811	DỠ	PTCB	
2		CROMIT CĐ THANH HÓA	02/11	2873/11	12/11	THANH BÌNH 05	CÁM 5A.1	3 050	2 023	1 027	DỠ	PTCB	
3		DVVTQN	02/11	2864/11	09/11	BN 0766	CỤC DON 8A	1 200	698	502	DỠ	TD	NGUỒN QH
4		VẬN TẢI THỦY	02/11	2869/11	09/11	HP 6739	BÙN TUYỂN 3C	1 070		1 070		TD	NGUỒN QH
	Tàu đã làm lệnh							***15 585***		***15 585***			
1		CROMIT CĐ THANH HÓA	04/11	2889/11	14/11	AN PHÁT 39	CÁM 5B.1	4 500		4 500		PTCB	
2		CROMIT CĐ THANH HÓA	04/11	2892/11	14/11	THẮNG LỢI 68	CÁM 5B.1	4 200		4 200		PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	04/11	2897/11	14/11	BN 2728	CÁM 6A.1	2 585		2 585		PTCB	
4		HÀNG HẢI VN	03/11	2882/11	10/11	BN 0719	CỤC DON 8A	1 100		1 100		TD	
5		VTA	04/11	2891/11	11/11	BN 0888	CỤC DON 8A	1 100		1 100		TD	NGUỒN QH
6		KHO VẬN ĐÁ BẠC	04/11	2900/11	14/11	CỬA ÔNG 05	CÁM 6A.1	2 100		2 100		CHUYỂN VÙNG	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**29 910**	**16 500**	**13 410**			
	Tàu đã làm hàng							***15 000***	***16 500***	***-1 500***			
1		INDONESIA	16/10	7241		MV RONG HAI 1	CỤC 5B.2	15 000	16 500	-1 500	04/11		KVĐB: 15.000
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							***14 910***		***14 910***			
1		HÀN QUỐC	27/10	7519		MV XIN LIN HAI 7	CỤC 2B.2	5 000		5 000			KVĐB: 5.000
2		HÀN QUỐC	27/10	7518		MV YUN QIAN	CỤC 4B.3	5 000		5 000			KVĐB: 5.000
3		CAMPUCHIA	30/10	7605		MV MINH ANH 03	CỤC 4B.3	3 000		3 000			KVĐB: 3.000

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 05 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
4		INDONESIA	03/11	7550		MV HOANG PHUONG 46	CÁM 2A.1	1 910		1 910			TTHG: 1.910
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**46 200**	**31 500**	**14 700**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***46 200***	***31 500***	***14 700***			
1		MOZAMBIQUE	15/10	7208		MV METEOR	Than xx Mozambique	13 000		13 000			TTCO: 5.000 KVCP: 8.000
2		LÀO	28/10	7552		VIỆT THUẬN 235-01	Than Antaracite Lào	18 200	18 200		ĐANG CHỐT		TTCO: 8.200 KVCP: 10.000
3		MOZAMBIQUE	26/10	7496		MV LYRIC HARMONY	Than xx Mozambique	15 000	13 300	1 700	DỠ		TTCO: 15.000
	Tàu đã làm lệnh												